

VỀ MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔNG Á VÀ ĐÔNG NAM Á: TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ NƯỚC VÀ VẤN ĐỀ SỬ DỤNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA 4 CON RỒNG

(tiếp theo và hết)

HỒ SĨ QUÝ^(*)

Tóm tắt: Mô hình phát triển Đông Á và Mô hình phát triển Đông Nam Á là hai khái niệm được David Dapice và các chuyên gia Harvard sử dụng trong báo cáo tư vấn cho Chính phủ Việt Nam 2008. Báo cáo chỉ ra những kinh nghiệm thành công của Hàn Quốc, Đài Loan và một số nước Đông Á khác trong quá trình trở thành NICs/NIEs và những kinh nghiệm thất bại (tương đối) của các nước Đông Nam Á đến nay vẫn chưa (hoặc không) vượt qua được cái bẫy của sự phát triển. Bài viết bàn về khả năng ứng dụng những bài học kinh nghiệm này và cố gắng tìm kiếm gợi ý cho sự phát triển ở Việt Nam từ góc độ văn hóa và con người; gồm các nội dung: 1) Tham vọng của thời tăng trưởng và những lời cảnh báo. 2) Rồng, hổ Đông Á và những bài học gây ấn tượng. 3) Mô hình Đông Á và Đông Nam Á của David Dapice và các cộng sự. 4) Các gợi ý cho Việt Nam.

IV. Gợi ý cho Việt Nam: vấn đề sử dụng kinh nghiệm của người đi trước

1. Thời gian gần đây, những vấn đề về phát triển ở khu vực Đông Á và Đông Nam Á được đề cập khá nhiều, nhất là từ phương diện kinh tế học. Các chuyên gia ở các nước phát triển và đang phát triển, các tổ chức quốc tế thuộc các chính phủ và phi chính phủ, đặc biệt các tổ chức có trách nhiệm toàn cầu về phát triển như UNDP, WB, IMF... đã công bố nhiều công trình nghiên cứu về tăng trưởng và phát triển, về công nghiệp hóa và bảo vệ môi trường, về giải quyết nghèo đói và thực hiện các mục tiêu

thiên niên kỷ, về quản lý vĩ mô và xử lý các biến động văn hoá - xã hội khác... nhằm cung cấp những bài học kinh nghiệm hoặc cảnh báo, khuyến cáo, tư vấn... giúp các chính phủ và các nước đi sau chọn lựa được một quyết sách sáng suốt. Trong bối cảnh đó, phần đông các chính khách và các nhà hoạt động xã hội, đặc biệt những chiến lược gia về phát triển, gần như ai cũng hối thúc các nước chậm phát triển rằng, kinh nghiệm thành công ngoạn mục của Hàn

^(*) PGS., TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội.
www.hosiquy.com, hosiquy@fpt.vn.

Quốc, Đài Loan, Hongkong và Singapore, là cần phải học và có thể học được.

Tiểu rằng, Hongkong và Singapore lại là các trường hợp quá đặc biệt. Đây chỉ là hai đảo quốc bé nhỏ với dân số ít, rất giống những siêu đô thị của những vùng kinh tế - xã hội rộng lớn hơn; nghĩa là, chúng quá độc đáo để có thể áp dụng kinh nghiệm. Nhưng Hàn Quốc và Đài Loan thì đích thực là những điển hình của sự bứt phá, thu hút sự phân tích, rút kinh nghiệm và học hỏi của các nước đi sau. Về mặt lý thuyết, *khi thế giới đã bước vào thời đại toàn cầu hóa, các quốc gia đi sau không thể viện bất cứ lý do gì để cho phép mình mất hàng trăm năm trong khi mấy nền kinh tế này chỉ cần vài chục năm để trở thành các thực thể công nghiệp mới*. Sự thực thì hơn hai chục năm nay, tất cả các nước đang phát triển đều đã từng nghiên cứu kinh nghiệm và đều muốn theo gương Hàn Quốc, Đài Loan hoặc Singapore để trở thành rồng.

2. Riêng với Việt Nam, tham vọng “hóa rồng” dường như còn thôi thúc hơn. Bởi lẽ, Hàn Quốc và Đài Loan, xưa nay, không phải là những xã hội quá xa lạ, hoặc quá khác biệt. Về nguồn lực con người, nguồn lực xã hội và ý chí chính trị, xét ở tiềm năng, không thể nói Việt Nam có gì thua kém. Về sức mạnh văn hóa, đặc biệt văn hóa Nho giáo truyền thống, Việt Nam cũng không thiếu hụt những yếu tố tích cực cần thiết, mà Hàn Quốc và Đài Loan đã từng sử dụng để phát triển. Trên thực tế, Việt Nam là mảnh đất thấm đẫm văn hóa Nho giáo (văn hóa Nho giáo chứ không phải Nho giáo); lại là thứ văn hóa được hình thành từ Tống Nho, không “ngu trung”, không cứng nhắc, không giáo điều như ở Nho giáo trước đó ở nơi khởi thủy của nó (Xem: 22, 18). Do vậy, cùng với sự khích

lệ của nhân tố văn hóa, các nhân tố chính trị - xã hội khác, chẳng hạn tâm thế của người chiến thắng sau chiến tranh, sự phấn khích đạt được tăng trưởng cao trong một thời gian dài, tâm lý tích cực sau hội nhập thành công..., đã thêm phần thôi thúc tham vọng “hóa rồng” ở Việt Nam. Khi đặt mình trong tương quan với Hàn Quốc và một số nước trong khu vực, nhiều người Việt Nam vẫn chưa quên, mới rất gần đây, so với Seoul, Bangkok hoặc Manila, thì Sài Gòn chẳng những không nghèo, mà ngược lại, còn là thành phố phồn vinh hơn.

3. Cần phải nói thêm rằng, mặc dù ít được nhắc tới, nhưng trong khi đánh giá cao kinh nghiệm tích cực của mấy con rồng Đông Á, các nhà nghiên cứu thường cũng không quên Hàn Quốc, Đài Loan và cả Singapore trong những thập niên trước đã từng là những chính thể độc đoán, thiếu dân chủ, vận hành trong sự thao túng của giới quân sự. Xã hội Đài Loan dưới thời Tưởng Giới Thạch, xã hội Singapore dưới thời Lý Quang Diệu và xã hội Hàn Quốc dưới thời Pak Chung Hee, Choe Kyu Ha và Chun Doo Hwan đều thi hành những chính sách chống Cộng cực đoan, hạn chế đến mức bóp nghẹt báo chí, chèn ép xã hội dân sự, tận dụng và vắt kiệt sức lực dân chúng... Các chính thể này hiện vẫn còn bị phê phán từ tất cả các phía, kể cả phía Mỹ. Người dân ở các nước này đến nay vẫn chưa quên tình trạng ngột ngạt và lao động như khổ sai hồi những thập niên trước (Xem: 3, 1). Tuy thế, điều đáng lưu ý là, ngoài Francis Fukuyama hồ nghi có một mối liên hệ nào đó giữa sự tăng trưởng kinh tế nhanh với chính thể độc đoán, còn lại chẳng thấy ai thừa nhận hoặc coi liên hệ đó là nhân quả hay là tất yếu. Người ta vẫn tin rằng *các nước đi sau có thể phát triển nhanh*

như Hàn Quốc và Đài Loan mà không cần phải hy sinh dân chủ. Thậm chí có người còn giả thiết rằng, biết đâu các nước này có thể sẽ phát triển nhanh hơn, nếu không độc đoán và bóp nghẹt tự do (Xem: 9, 5).

Điều này, trong một chừng mực nhất định, cũng đã làm cho việc học hỏi kinh nghiệm của mấy con rồng trở nên có sức thu hút hơn và có vẻ khả dĩ hơn.

4. Tuy nhiên, học được kinh nghiệm của người đi trước là không dễ dàng. Hơn thế nữa, các bài học kinh nghiệm được đúc kết và phổ biến, qua lăng kính chủ quan của các tác giả của nó, chưa chắc đã là cái có thể học được và áp dụng được trong những điều kiện và hoàn cảnh khác. William Easterly, một học giả Mỹ, đã cảnh tỉnh các nước chậm phát triển về điều này khi ông phê phán kịch liệt nhiều chính sách phát triển của các tổ chức quốc tế. William Easterly cho rằng, các quan niệm của WB, IMF và UN... với lịch sử hơn nửa thế kỷ qua đã vô tình tạo ra một thứ “hệ tư tưởng về phát triển” (Ideology of Development). Theo ông, kinh nghiệm thành công của các nước phát triển không thể máy móc trở thành chính sách để áp dụng cho những nước đi sau. Những quốc gia thành công nhất trong phát triển 40 năm qua, trên thực tế, “đã thường xuyên vi phạm một cách rõ ràng bất cứ cái gì mà các chuyên gia về phát triển đã nói. Ví dụ, vào những năm 1960 những con hổ Đông Á đã tự lựa chọn định hướng ra bên ngoài trong khi nếu theo kinh nghiệm khôn ngoan của các chuyên gia lại phải là công nghiệp hoá đối với thị trường trong nước” (Xem: 7). Những trường hợp thành công như Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ hay Việt Nam đều không phải là những nước biết nghe lời các thể chế quốc tế. Còn Mexico,

Venezuela, Nga... lại là những ví dụ về sự thất bại khi đi theo lời khuyên của các chuyên gia phát triển.

Ý kiến của William Easterly có vẻ hơi cực đoan, nhưng ông không phải là người duy nhất có suy nghĩ kiểu này (Xem: 7, 6, 30).

V. Gợi ý cho Việt Nam: vấn đề trách nhiệm của Nhà nước

1. Việt Nam đi sau cả Đông Á lẫn Đông Nam Á (tại thời điểm hiện nay và nếu hiểu Đông Á và Đông Nam Á gồm những nước như đã nói ở các phần trên). Tuy sự phát triển của Việt Nam sau hơn 20 năm đổi mới đã được cộng đồng thế giới đánh giá rất cao, thậm chí những thuật ngữ *con rồng*, *con hổ* cũng đã được sử dụng để nói về tương lai của Việt Nam, nhưng sau khi đối mặt với các vấn đề xuất hiện năm 2008, đây đó trong nền kinh tế - xã hội cũng đã lộ ra những dấu hiệu bất ổn, cần thiết phải được tính toán thấu đáo về phương diện mô hình phát triển. Có tác giả cho rằng, Việt Nam “đang đứng trước nguy cơ rơi vào *cạm bẫy của mức phát triển trung bình*: không còn quá nghèo để phải bức xúc cải cách và vượt lên; trong khi đó, các yếu tố nên tăng cho một nền kinh tế tăng trưởng cao trong giai đoạn trưởng thành lại quá yếu. Các mâu thuẫn trong phát triển trở nên gay gắt: giữa tính phức tạp của điều hành vĩ mô và năng lực và phẩm chất của bộ máy quản lý; giữa yêu cầu cao về nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng hệ thống giáo dục; giữa nhu cầu nâng cao sức cạnh tranh toàn cầu về môi trường sống - kinh doanh và điều kiện giao thông, môi trường, ăn ở” (15).

Vấn đề đúng như David Dapice và các chuyên gia Harvard đã chỉ ra, rồi đây, Việt Nam sẽ thuộc về mô hình nào

trong số hai mô hình phát triển Đông Á và Đông Nam Á. Dĩ nhiên, cho tới giờ này, chưa có một tài liệu chính thống nào nói về chủ trương của Việt Nam đối với hai mô hình này. Song điều đó không có nghĩa là Việt Nam nằm ngoài khả năng dẫn phải những dấu chân khiếm khuyết, sai lầm hay thất bại của các nước được coi là thuộc mô hình Đông Nam Á. Xin lưu ý, David Dapice và các cộng sự cảnh báo không hề quanh co: “Mục tiêu phát triển của Việt Nam đầy tham vọng: trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, và một cách khái quát hơn, xây dựng một quốc gia ‘dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh’. Thế nhưng, nếu những xu thế hiện nay vẫn được tiếp tục thì có lẽ Việt Nam sẽ không thể đạt được những mục tiêu này, ít nhất là trong một khoảng thời gian khả dĩ chấp nhận được về mặt chính trị... Trong số các quốc gia đã thoát nghèo và có mức thu nhập trung bình - vốn là mục tiêu Việt Nam đang hướng tới - chỉ có một vài nước tiếp tục vươn lên thành những quốc gia giàu có, hiện đại và có thế lực. Nói một cách khác, xu hướng phát triển phổ biến không đứng về phía Việt Nam. Mặc dù vậy, xu hướng này không phải là định mệnh... *Bằng những lựa chọn (hay không lựa chọn) của mình, Nhà nước Việt Nam sẽ quyết định tốc độ và triển vọng phát triển kinh tế của đất nước. Nói một cách khác, đối với Việt Nam, thành công là một sự lựa chọn trong tầm tay*” (11, tr.9,6).

Một mặt lên tiếng cảnh báo, một mặt tư vấn cho sự lựa chọn - ý kiến của David Dapice và các chuyên gia Harvard rõ ràng là tiếng nói cần phải được suy ngẫm thật sâu sắc.

2. *Bằng sự lựa chọn hay không lựa chọn của mình, Nhà nước Việt Nam sẽ*

quyết định sự thành công hay thất bại trong việc đưa đất nước cất cánh và hóa rồng. Khẳng định của David Dapice và các cộng sự, thông qua phân tích hai mô hình phát triển Đông Á và Đông Nam Á là khá rõ. Ở đây, trách nhiệm của Nhà nước, hay nói rộng hơn, trách nhiệm của các chiến lược và kế sách điều hành vĩ mô chính là nhân tố quyết định.

Nói như thế, dĩ nhiên là đúng. Nhưng theo chúng tôi, cũng vẫn chưa đủ để diễn đạt tầm vóc và ý nghĩa của trách nhiệm Nhà nước.

Bởi lẽ, phần lớn những bài học kinh nghiệm được nêu ra từ sự phát triển của các nước Đông Á và các nước phát triển khác đều không phải là mới đối với Việt Nam cũng như các quốc gia đi sau khác. Nghĩa là, cái được coi là bài học, thì Việt Nam cũng như tất cả các nước đang phát triển khác đều đã từng nghiên cứu và đều muốn ứng dụng để trong một thời gian nào đấy có thể trở nên thịnh vượng. Ở Đông Nam Á, vào những năm 80 (thế kỷ XX), Indonesia đã từng được hy vọng là một quốc gia sớm cất cánh để trở thành con rồng châu Á mới. Cũng như vậy, ở Mỹ Latinh, Peru cũng là nước được kỳ vọng trong những năm 70. Nhưng đến nay, ở các nước này điều kỳ diệu vẫn chưa xảy ra. Trong thực tế phát triển nửa thế kỷ qua, trừ Ireland, Singapore và Hongkong, không có nước nào đạt tới thành công như Hàn Quốc và Đài Loan.

Rõ ràng, không phải các nước đi sau không biết đến hay không chịu học hỏi kinh nghiệm của các nước công nghiệp hóa thế hệ thứ nhất. Như đã nói ở trên, học được kinh nghiệm của người đi trước không phải là việc dễ. Kinh nghiệm xã hội rất hiếm khi giống như một thứ bí quyết cứ lấp vào là cỗ máy

hoạt động. Có trong tay đầy đủ các bài học kinh nghiệm, cũng mới chỉ là *thỏa mãn điều kiện cần* chứ chưa phải là *thỏa mãn điều kiện đủ* để cho phép một quốc gia nào đó đi tới thành công. Vấn đề không đơn giản chỉ là vận dụng một mô hình lý thuyết, cho dù đó là mô hình lý thuyết tối ưu, cộng với một “quyết tâm chính trị” nào đó. Hơn thế nữa, nếu đúng là “40 năm qua, các nước thành công đều là những nước thường xuyên vi phạm bất cứ kinh nghiệm gì mà các chuyên gia về phát triển đã tư vấn”, như khẳng định của William Easterly, thì vấn đề còn là *cần phải biết “vi phạm” những bài học kinh nghiệm nào đó khi cần thiết.*

Không biết sử dụng kinh nghiệm của người đi trước, dĩ nhiên là thất bại. Sử dụng kinh nghiệm của người đi trước một cách nguyên si, giáo điều cũng sẽ thất bại. Vấn đề là phải sử dụng kinh nghiệm của người đi trước một cách khôn ngoan. Nghĩa là trách nhiệm của nhà nước còn nặng nề hơn rất nhiều so với tất cả những gì mà các nhà khoa học đã chỉ ra một cách xác đáng.

3. Sự thực thì công cuộc Đổi mới đã tạo nên sự phát triển rất quan trọng ở Việt Nam trong hơn hai thập kỷ qua, và điều đó đã tạo ra những bước xuất phát tạo đà, những điều kiện thuận lợi, và cả những kinh nghiệm có ý nghĩa để đất nước tiếp tục phát triển. Mặc dù nhiều lĩnh vực vẫn chưa có tiến bộ hoặc còn bị coi là thất bại, nhưng xoá đói, giảm nghèo và giải quyết vấn đề đói nghèo ở Việt Nam thì rõ ràng là một thành công. Kinh nghiệm về tăng trưởng kinh tế ngay từ đầu phải gắn với công bằng xã hội cũng là một kinh nghiệm đắt giá phải trả bằng rất nhiều nỗ lực. Phát triển con người thể hiện qua chỉ số HDI và phát triển xã hội thể hiện qua ổn

định và đồng thuận xã hội ở Việt Nam cũng có những điểm sáng, có những biểu hiện tích cực không thua kém gì các quốc gia giải quyết tốt những vấn đề này. Phát triển kinh tế và cải thiện đời sống đại đa số cư dân thì không thể nói là thất bại, mặc dù bức tranh kinh tế từ năm 2008 đến nay có những chỗ khá ảm đạm so với trước đó.

Cần thiết phải nói như thế để thấy tính không đơn giản của vấn đề. Những gì được coi là thành công của Việt Nam thời gian qua đều ít nhiều mang trong mình một phần khôn ngoan trong việc vận dụng kinh nghiệm bên ngoài, một phần sáng tạo trong việc xử lý tình huống đặc thù Việt Nam và một phần quyết đoán trong việc bảo vệ những lợi ích được coi là cơ bản hoặc sống còn.

VI. Gợi ý cho Việt Nam: vấn đề sử dụng nhân tố văn hóa và con người

1. Dĩ nhiên là chưa mấy ai thỏa mãn với những gì mà Việt Nam đã làm được. Ngược lại, khác với *tâm thế phát triển* (Psychosphere for Development) đầy tích cực và sôi động của những năm trước 2007, hiện nay, tâm trạng băn khoăn, lo lắng, bức xúc... lại là tâm trạng phổ biến trong nhiều lĩnh vực hoạt động. Trên bình diện văn hóa và con người, ở đây, chúng tôi thấy cần thiết phải đặt vấn đề: Nếu như về mặt tiềm năng, ở Việt Nam, nhân tố văn hóa và nhân tố con người không đến nỗi thua kém Hàn Quốc và Đài Loan, thì tại sao những tiềm năng ấy, đến nay, tự nó, chưa bộc lộ được những phẩm chất tích cực trong phát triển?

Văn hóa có những lối đi đặc thù của nó để thâm nhập và tác động vào đời sống xã hội. Nhưng đặc thù đến mấy thì vẫn phải thông qua chủ thể của nó là con người, nhất là những con người có

trọng trách điều tiết vĩ mô. Trong phát triển, cách thức sử dụng nhân tố văn hóa và nhân tố con người là cơ chế để văn hóa của một dân tộc lộ ra những giá trị ưu trội của nó, để con người của một cộng đồng phát huy được những phẩm chất tích cực của nó. Điều này giải thích tại sao đều là văn hóa Nho giáo, đều là con người Trung Hoa, nhưng nửa thế kỷ nay Đài Loan và Hongkong lại hoàn toàn khác với Đại lục. Văn hóa Nho giáo, tự nó, không đẩy xã hội đến một tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Con người với các phẩm chất tích cực của truyền thống - cần cù, hiếu học, trách nhiệm, cộng đồng... - tự nó, cũng không đương nhiên biến xã hội thành xã hội công nghiệp hóa. Vấn đề là ở chỗ *biết sử dụng, có phương thức sử dụng, biết kích thích các giá trị tích cực, ưu trội* của con người và của văn hóa.

2. Đối chiếu sự phát triển của Việt Nam hiện nay với hai mô hình phát triển Đông Á và Đông Nam Á, chúng tôi thấy có thể nói về một vài hạn chế trong việc sử dụng nhân tố con người và văn hóa như sau:

Nếu ở mô hình phát triển Đông Á, chính phủ có khả năng tạo ra những quyết tâm chính trị mạnh mẽ để thúc đẩy xã hội thay đổi khi cần thiết, như David Dapice đã nhận xét, thì ở Đông Nam Á, đến nay, hầu hết các quốc gia đều chưa làm được như vậy. Ở Indonesia, Philippines và Thailand trong nhiều tình huống cần vận động sức mạnh đồng thuận của toàn quốc gia, chính phủ ít khi thành công; thậm chí có lúc còn gây chia rẽ, làm hỗn loạn xã hội. Ở Malaysia dưới thời Mahathir Mohamad, việc động viên ý chí của toàn xã hội được đánh giá là tốt hơn, nhưng gần đây lại bắt đầu có vấn đề. Trong khi đó, ý chí vươn tới hưng thịnh ở người

Nhật kể từ thời Minh Trị thiên hoàng là rất đáng kể. Tinh thần cuồng nhiệt và nghiêm túc ở tầng lớp võ sĩ thượng lưu học hỏi văn minh kỹ nghệ của châu Âu để xây dựng Nhật Bản thành một quốc gia mạnh về quân sự, giàu về kinh tế, hiện đại về kỹ thuật... là một thứ tinh thần lâu nay ít ai phủ nhận được. Người Nhật không ngại nhìn nhận nghiêm ngặt về những yếu kém của mình để kích động lòng tự tôn dân tộc. Tham vọng biến Nhật Bản thành châu Âu ở phương Đông, trên thực tế, đã cực đoan đến mức làm nảy sinh tư tưởng "Sovanh Đại Đông Á" cùng với một chính thể Phát xít phương Đông trong Thế chiến thứ II. Tuy nhiên, nếu không tính đến mặt trái của những điều vừa nói, thì ở người Nhật có hai phẩm chất rất đáng học tập: *ý chí cháy bỏng vươn tới hưng thịnh và tinh thần sẵn sàng học hỏi.*

Hàn Quốc cũng là một xã hội tương tự. Tham vọng vươn lên của người Hàn Quốc đã được một số tài liệu mô tả là không kém cuồng nhiệt ngay từ thời Pak Chung Hee. Khi thu nhập bình quân đạt mức 1.000 USD/đầu người/năm, người Hàn chẳng những không có tâm lý thỏa mãn, mà ngược lại còn sôi sục đặt ra các mục tiêu 10.000 USD rồi gần đây là 15.000 USD/đầu người/năm. Không chỉ trong kinh tế, trong khoa học, giáo dục người Hàn cũng quyết liệt đặt ra các mục tiêu để cạnh tranh với thế giới. Khi bất mãn với các chế độ độc tài vào những năm 60-70 (thế kỷ XX), khi phát hiện ra những yếu kém trong cấu trúc nền kinh tế sau khủng hoảng tài chính năm 1997, cũng như khi đối mặt với những quyết định không hợp lòng dân hồi tháng 6/2008..., người Hàn đều phản ứng rất mạnh mẽ, đòi Chính phủ phải tỏ rõ trách nhiệm với sự phát triển đất nước.

Tâm thế phát triển của một dân tộc hay một quốc gia xưa nay chưa bao giờ là cái kém quan trọng. Trong xã hội hiện đại, đôi khi người ta tưởng các quy luật thép của đời sống có thể làm cho ý chí hay nhiệt huyết của cá nhân hay của cộng đồng trở nên ít giá trị hơn. Nhưng thực tế chứng minh điều ngược lại.

Còn ở Việt Nam, tâm thế phát triển trong những năm gần đây không thể nói là kém. Ngược lại mới đúng, rất sôi động, rất tích cực. Tuy nhiên, sự yếu kém trong cơ chế vận hành đời sống xã hội, những bất cập, khiếm khuyết trong các chính sách kinh tế - văn hóa - giáo dục... đã vô tình định hướng tâm lý hoạt động của không ít cá nhân. Tưởng rằng, với tốc độ tăng trưởng 8-9% năm, chẳng mấy chốc Việt Nam sẽ hóa rồng, tưởng rằng với nền kinh tế chuyển đổi năng động, chẳng mấy chốc một bộ phận cư dân sẽ giàu có, “thay vì khích lệ người dân cần kiệm đầu tư với tầm nhìn dài hạn và trách nhiệm với tương lai, chúng ta lại tạo nên cơ chế để mọi người ảo tưởng với những cơ hội chụp giạt ngắn hạn, hoang phí trong tiêu dùng, phô trương trong hình thức...”(16).

Xu hướng tâm lý này trên thực tế đã che khuất tầm nhìn dài hạn, làm xói mòn trách nhiệm với tương lai - cái là xương sống của nền giáo dục và khoa học.

3. Theo báo cáo của David Dapice và các chuyên gia Harvard, “hệ thống giáo dục của Việt Nam hiện đang khủng hoảng”, còn “nền khoa học và công nghệ của Việt Nam, nếu sử dụng mọi thước đo khách quan, thì dường như là một thất bại” (11, tr.32,33). Đây là một nhận định đặc biệt mạnh mẽ về sự xuống cấp của hai lĩnh vực liên quan mật thiết đến văn hóa và con người mà cách đây chưa

lâu Việt Nam vẫn thường tự hào. Cụ thể hơn, báo cáo này mô tả: “Mặc dù tỷ lệ đi học ở các cấp phổ thông tương đối cao, nhưng chất lượng của các bậc học này rất đáng lo ngại... Chất lượng đào tạo ở các trường đại học của Việt Nam chưa đạt chuẩn. Trên thực tế, trường đại học của Việt Nam thua xa khi so với ngay cả trường của các nước Đông Nam Á – vốn chưa phải là những trường đẳng cấp quốc tế. Trong khi đó, tỉ lệ ngân sách dành cho giáo dục trong GDP của Việt Nam cao hơn hầu hết các nước trong khu vực. Hiện nay, các trường đại học của Việt Nam có thể bị xem như là kém nhất so với hầu hết các nước đang phát triển ở khu vực Đông Nam Á, chứ chưa cần so với Đông Á” (11, tr.32,33). Nếu nhận định này không sai hoặc cơ bản là không sai, thì rõ ràng, những nhân tố tích cực về phương diện văn hóa và con người, cái làm nên những thành tựu nhất định cho giáo dục và khoa học những năm trước đây, đã bị quên lãng hoặc chưa được sử dụng một cách hợp lý cho phù hợp với hoàn cảnh hiện tại.

Tại sao một dân tộc có tiếng là hiếu học, với những thành tựu về y tế và giáo dục đã từng làm thay đổi cách nhìn nhận của cộng đồng thế giới qua chỉ số phát triển con người, với các nhà khoa học, nhà văn hóa mà ở thế hệ nào cũng có những người được đánh giá cao, nay lại rơi vào tình cảnh đáng ngại đến vậy? Đúng như nhiều người đã lên tiếng trên các diễn đàn giáo dục và khoa học thời gian gần đây, hiếu học đến nay vẫn là một giá trị, nhưng tiếc rằng giá trị này lại đang bị khai thác để phục vụ những mục đích vụ lợi và thị trường, lệch lạc và thiếu cần... hơn là khai thác để thỏa mãn những mục đích giáo dục chân chính. Cung cách quản lý giáo dục và khoa học bất cập, có vấn đề, làm cho

khoa học và giáo dục ở Việt Nam “không giống ai”. Nhà nước chưa có những chính sách tạo điều kiện cho nhà khoa học theo đuổi những kỹ năng, công nghệ, và tri thức tiên tiến. Bảng giá trị định hướng hoạt động khoa học, giáo dục lệch lạc.

Chúng tôi cho rằng, vấn đề của những vấn đề là ở chỗ, *bảng giá trị định hướng hoạt động khoa học, giáo dục hiện đang lệch lạc.*

VII. Kết luận

1. Việt Nam đang cất cánh và vẫn chưa mất cơ hội để hóa rồng. Việc lựa chọn những quyết sách, phương thức và bước đi trong phát triển trên cơ sở học tập kinh nghiệm thành công của mô hình Đông Á, như lời tư vấn nhiệt thành của các chuyên gia Harvard, rõ ràng là có ý nghĩa quyết định. Tuy nhiên, kinh nghiệm dù hay đến mấy cũng mới chỉ là hành trang để phát triển. Chỉ riêng hành trang chưa đủ giúp người tìm đường tới được cái đích mà anh ta cần đến. Muốn tránh được vết chân khiếm khuyết của mô hình Đông Nam Á thì sự lựa chọn cần phải đạt đến trình độ khôn ngoan và cần phải được thực hiện trong thực tiễn bằng những cách thức thông minh - Không phải khi nào bài học kinh nghiệm của các nước phát triển cũng cần áp dụng một cách trung thành, có những trường hợp cần áp dụng trong sự thay đổi, nghĩa là áp dụng một cách sáng tạo và cũng có những trường hợp cần phải biết *vi phạm* kinh nghiệm tốt của người đi trước.

2. Dĩ nhiên là kinh nghiệm của Hàn Quốc và Đài Loan trong quá trình đi tới một xã hội công nghiệp chắc chắn vẫn là những bài học có giá trị về nhiều phương diện. Nhưng kinh nghiệm về các vấn đề xã hội và chính trị phức tạp ở

Đông Á cùng với những kinh nghiệm thất bại của các nước Đông Nam Á, theo chúng tôi, đắt giá hơn và có tác dụng cảnh tỉnh hơn đối với Việt Nam. Cần phải tìm hiểu xem tại sao các nước Đông Nam Á đến nay vẫn chưa (hoặc không) vượt qua được cái bẫy của sự phát triển. Về điều này, báo cáo của David Dapice và các chuyên gia Harvard là một khuyến cáo đắt giá dành cho Việt Nam.

3. Dù gọi lên nhiều suy ngẫm có giá trị, song *Mô hình phát triển Đông Á* và *Mô hình phát triển Đông Nam Á* dẫu sao cũng mới chỉ là cách gọi tương đối. Cách gọi này chưa đủ chặt chẽ để diễn đạt nội hàm của hai mô hình phát triển cụ thể với các thành tố, cấu trúc và logic vận hành khách quan của chúng. Cần phải tiếp tục nghiên cứu để xác định thực chất và nội hàm của hai khái niệm này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bản sắc Đài Loan. http://www.bbc.co.uk/vietnamese/specials/1053_vietaiwanpage/
2. Bush chứng kiến sự “phấn khởi ở Việt Nam”. BBC Vietnamese.com, 17/11/2006.
3. Hyondok Choe. Civil Society and Market Economy in Korea. The principle of “Publicity” in the context of Neo-liberalism. International Conference “Social Responsibility in the context of Market Economy”. Haiphong, Feb., 12-15th, 2009.
4. Lý Quang Diệu. Cuộc chiến Việt Nam có lợi cho châu Á. http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/story/2006/10/061013_lee_warcomment.shtml
5. Trần Hữu Dũng. Dân chủ và phát triển: Lý thuyết và chứng cứ. Tạp chí *Thời đại mới*, Số 10, tháng 3/2007.

- http://www.tapchithoidai.org/Thoi Dai10/200710_THDung.htm#_ftn5
6. Trần Hữu Dũng. Về kinh nghiệm phát triển: Đọc Rodrik và Chang, hai kẻ nghi ngờ. *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, Số Tết Dương Lịch 2009.
 7. William Easterly. The Ideology of Development. *Foreign Policy*, July/August, 2007.
 8. EIU (Economist Intelligence Unit). Foresight 2020: Economic, industry and corporate trends. http://www.eiu.com/site_info.asp?info_name=eiu_Cisco_Foresight_2020&rf=0
 9. Francis Fukuyama. Asian Value and the Asian Crisis. *Commentary*, Feb., 1998.
 10. Francis Fukuyama. Samuel Huntington, 1927-2008. *The American Interest Online*. Dec., 29th, 2008. <http://the-american-interest.com/contd/?p=688>
 11. Harvard University (John F. Kennedy School of Government). Chương trình châu Á (2008). Lựa chọn Thành công: Bài học từ Đông Á và Đông Nam Á cho tương lai của Việt Nam. <http://www.undp.org.vn/undpLive/System/Publications/Publication-Details?contentId=2648&languageId=4>
 12. Phạm Duy Hiên. Khoa học và đại học Việt Nam qua những công bố quốc tế gần đây. <http://www.tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=76&CategoryID=3&News=2518>, 07:54-10/11/2008
 13. Hong Kong (China SAR). <http://islands.unep.ch/CGF.htm>
 14. Hồ Thiệu Hùng. Bài học hoá rồng của Ireland. <http://lamhong.sky.vn/archives/408>, 10/03/2008
 15. Vũ Minh Khương. Đẳng cấp phát triển: Việt Nam chọn Đông Á hay Đông Nam Á? <http://vietnamnet.vn/chinhtri/2008/09/06/2008>
 16. Vũ Minh Khương. Nền móng phát triển và mệnh lệnh cải cách. <http://www.tuanvietnam.net/vn/thongtindachieu/3956/index.aspx>, 9/6/2008
 17. Il Houng Lee. Việt Nam đuổi kịp Singapore: cần 197 năm. www2.dantri.com.vn, 16/3/2006.
 18. C. Li. Confucian value and democratic value. *The Journal of Value Inquiry*, Vol. 31, No 2, June 1997, pp. 183-193.
 19. Liên Hợp Quốc tại Việt Nam. Các mục tiêu thiên niên kỷ. Xoá bỏ khoảng cách thiên niên kỷ. Báo cáo tiến độ thực hiện các MDG. H., 2003.
 20. Litan. Nghịch lý của chiến lược đuổi kịp. Tư duy lại mô hình phát triển kinh tế dựa vào nhà nước. Tp. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2008.
 21. Duncan Mavin. Vietnam: what happened to the next Asian Tiger? *Financial Post*, December 05, 2008.
 22. Phan Ngọc. Văn hóa Việt Nam thiết tha với cuộc sống con người. *Văn nghệ Trẻ*, số 4, ngày 23/01/2005.
 23. Douglas North. Institutions, Institutional Change, and Economic Performance. New York: Cambridge University Press, 1990.
 24. “Ông WTO”: Xem lại tư duy kinh tế và mô hình phát triển. <http://www.tuanvietnam.net/vn/sukienonghomnay/5738/index.aspx>
 25. Dwight H. Perkins, David Dapice, Jonathan H. Haughton. Việt Nam cải cách theo hướng rồng bay. H.: Chính trị quốc gia, 1994.
 26. Peter Preston. Development Theory: An Introduction to the Analysis of

- Complex Change. Wiley-Blackwell, 1996.
27. Peter Preston. Rethinking Development. London: Routledge & Kegan Paul Books Ltd., 1988.
28. Martin Rama. Những quyết sách khó khăn: Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi. (Commission on Growth and Development. Working paper No 40). <http://www.ebook.edu.vn/?page=1.1&view=8154>
29. William Ratliff. Vietnam's War With Progress. *The Economics*, November 11, 2008. <http://www.feer.com/economics/2008/november/Vietnams-War-with-Progress>
30. Dani Rodrik. East Asian Mysteries: Past and Present. <http://www.nber.org/reporter/spring99/rodrik.html>
31. Singapore GDP-per capita. [http://indexmundi.com/singapore/gdp_per_capita_\(ppp\).html](http://indexmundi.com/singapore/gdp_per_capita_(ppp).html)
32. Dwight Perkins. Industrial and Financial Policy in China and Vietnam: a New Model or a Relay of the East Asian experience (Chapter 6 in Rethinking the East Asian Miracle, edited by Joseph Stiglitz and Shahid Yusuf, World Bank, 2001).
33. Carl Thayer. Việt Nam trong quan hệ với ASEAN và Trung Quốc. <http://www.sgt.com.vn/Detail23.aspx?Columnid=23&newsid=46096&flid=HTMG/2009/0113/46096>
34. Trần Văn Thọ. Phát triển - Kinh nghiệm một số nước Á châu. <http://www.tuanvietnam.net/news/InTin.aspx?alias=nghexemdoc&msgid=4565,20/8/2008>.
35. Michael P. Todaro. Kinh tế học cho thế giới thứ ba. H.: Giáo dục, 1998.
36. UNDP. Human Development Report (2007/2008).
37. David G. Victor. Recovering Sustainable Development. *Foreign Affairs*, Jan/Feb 2006, Vol. 85, No. 1, p. 91-103.
38. Y.C. Richard Wong. Understanding Rapid Economic Growth: A New Tale of the Four Asian Dragons. *HKCER Letters*, Vol. 30, January, 1995. <http://www.hku.hk/hkcer/articles/v30/alwyn.htm>
39. Robert F. Wescott. Global Economic Growth Prospects: 2007 and Beyond. <http://www.sace.it/GruppoSACE/export/sites/default/download/Wescott2.ppt>